

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CAM RANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	05 - 32
Bảng cân đối kế toán riêng	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 32

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cam Ranh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 để chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần. Ngày 06/09/2022, Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 5 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Viết Nhâm	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Tài	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2022)
Bà Kiều Phương Ngọc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2022)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Thắng	Tổng giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/09/2022, trước đó là Phó Tổng giám đốc)
Ông Nguyễn Viết Nhâm	Tổng giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/09/2022)
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên
Bà Bùi Thị Ngân Hoa	Thành viên

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;



## Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh

Số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, thành phố Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

**Nguyễn Văn Thắng**

Tổng Giám đốc

Cam Ranh, ngày 14 tháng 02 năm 2023





Số: 140223.013/BCTC.KT5

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh được lập ngày 14 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**  
  


**Phạm Anh Tuấn**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2023-002-1  
Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2023



**Nguyễn Duy Quảng**  
Kiểm toán viên  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 3363-2020-002-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>33.120.639.034</b>	<b>43.149.364.199</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>5.017.515.966</b>	<b>25.582.489.481</b>
111	1. Tiền		5.017.515.966	6.582.489.481
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	19.000.000.000
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>26.669.232.800</b>	<b>16.311.453.822</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	8.769.758.775	13.403.524.289
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	17.971.160.000	3.018.580.140
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	884.863.671	761.609.436
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(956.549.646)	(872.260.043)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>1.092.202.496</b>	<b>1.188.832.606</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.092.202.496	1.188.832.606
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>341.687.772</b>	<b>66.588.290</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	134.726.362	66.588.290
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	206.961.410	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>268.849.010.138</b>	<b>277.755.970.020</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>96.500.000</b>	<b>328.100.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	96.500.000	328.100.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>261.490.983.791</b>	<b>272.464.405.003</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	261.397.782.178	272.332.203.390
222	- Nguyên giá		522.702.160.391	514.796.540.049
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(261.304.378.213)	(242.464.336.659)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	93.201.613	132.201.613
228	- Nguyên giá		195.000.000	195.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(101.798.387)	(62.798.387)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>13</b>	<b>1.533.323.783</b>	<b>463.948.181</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.533.323.783	463.948.181
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>4.464.390.000</b>	<b>4.464.390.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		3.294.390.000	3.294.390.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.170.000.000	1.170.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.263.812.564</b>	<b>35.126.836</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.263.812.564	35.126.836
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>301.969.649.172</b>	<b>320.905.334.219</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*  
*(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>27.712.465.157</b>	<b>24.380.801.408</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>14.910.900.157</b>	<b>20.029.301.408</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	1.818.650.702	1.892.694.707
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	186.110.745	144.861.733
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	1.202.838.672	4.449.565.223
314	4. Phải trả người lao động		3.236.515.350	10.261.913.000
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	2.460.240.000	2.881.800.000
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	3.107.001.098	43.000.000
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.528.375.000	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.371.168.590	355.466.745
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>12.801.565.000</b>	<b>4.351.500.000</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	2.102.940.000	4.351.500.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	10.698.625.000	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>274.257.184.015</b>	<b>296.524.532.811</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>274.257.184.015</b>	<b>296.524.532.811</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		245.018.170.000	245.018.170.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		245.018.170.000	245.018.170.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(482.000.000)	(482.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		13.937.027.761	7.549.642.113
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		15.783.986.254	44.438.720.698
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.355.067.866	1.975.000.050
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		14.428.918.388	42.463.720.648
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>301.969.649.172</b>	<b>320.905.334.219</b>

Hồ Nguyễn Tú Anh  
Người lập biểu

Nguyễn Huy Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thắng  
Tổng Giám đốc  
Cam Ranh, ngày 14 tháng 02 năm 2023



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
**Năm 2022**


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			(Năm 2022) VND	(Năm 2021) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	146.363.528.029	191.431.154.410
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		146.363.528.029	191.431.154.410
11	3. Giá vốn hàng bán	23	108.860.170.848	107.918.643.620
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.503.357.181	83.512.510.790
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.235.682.564	958.456.549
22	6. Chi phí tài chính		-	741.392.109
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	733.361.111
25	7. Chi phí bán hàng	25	298.293.534	239.937.644
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20.455.858.749	28.180.387.950
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.984.887.462	55.309.249.636
31	10. Thu nhập khác	27	37.425.000	414.363.637
32	11. Chi phí khác	28	6.023.200	2.494.192.259
40	12. Lợi nhuận khác		31.401.800	(2.079.828.622)
50	13. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế		18.016.289.262	53.229.421.014
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29	3.587.370.874	10.765.700.366
60	15. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>14.428.918.388</u>	<u>42.463.720.648</u>



Hồ Nguyễn Tú Anh  
Người lập biểu



Nguyễn Huy Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thắng  
Tổng Giám đốc  
Cam Ranh, ngày 14 tháng 02 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
**Năm 2022**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			(Năm 2022)	(Năm 2021)
			VND	VND
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>18.016.289.262</b>	<b>53.229.421.014</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>17.959.248.593</b>	<b>18.224.189.136</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		18.879.041.554	18.618.035.940
03	- Các khoản dự phòng		84.289.603	(53.146.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại		-	8.030.998
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.235.682.564)	(1.082.092.913)
06	- Chi phí lãi vay		-	733.361.111
07	- Các khoản điều chỉnh khác		231.600.000	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>35.975.537.855</b>	<b>71.453.610.150</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		6.369.801.089	(4.481.456.894)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		96.630.110	(501.101.984)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(8.995.327.874)	(355.799.549)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(2.980.654.318)	27.344.083
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(733.361.111)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.503.081.096)	(7.261.160.797)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	5.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.336.224.939)	(4.253.857.792)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>17.626.680.827</b>	<b>53.899.216.106</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(24.168.165.426)	(5.349.545.454)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	123.636.364
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.093.851.484	936.552.439
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(23.074.313.942)</b>	<b>(4.289.356.651)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay		12.227.000.000	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(20.000.000.000)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.344.340.400)	(17.117.532.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(15.117.340.400)</b>	<b>(37.117.532.000)</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG**  
**Năm 2022**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
*(tiếp theo)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này (Năm 2022) VND	Kỳ trước (Năm 2021) VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(20.564.973.515)	12.492.327.455
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		25.582.489.481	13.098.193.024
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(8.030.998)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>5.017.515.966</u>	<u>25.582.489.481</u>



Hồ Nguyễn Tú Anh  
Người lập biểu



Nguyễn Huy Phương  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thắng  
Tổng Giám đốc  
Cam Ranh, ngày 14 tháng 02 năm 2023



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**Năm 2022**

**1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cam Ranh - Công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 38/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4200272350, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25 tháng 06 năm 2015 để chuyển đổi loại hình từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần. Ngày 06/09/2022, Công ty thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 5 để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Trụ sở chính của Công ty tại số 29 Nguyễn Trọng Kỳ, tổ dân phố Đá Bạc, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

Vốn điều lệ của Công ty là 245.018.170.000 VND, tương đương 24.501.817 cổ phần. Mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 181 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 210 người).

**Lĩnh vực kinh doanh :** Khai thác cảng biển.

**Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh dịch vụ logistics;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa, đường bộ khác, ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, ven biển và viễn dương, đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ khai thuế hải quan.

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng**

So với năm 2021, sản lượng bốc xếp, lưu kho bãi của hàng siêu trường, siêu trọng, hàng nông sản, sản phẩm từ gỗ qua Cảng của Công ty trong năm nay giảm mạnh. Nguyên nhân chủ yếu là do năm trước phát sinh các đơn hàng lớn của các nhà đầu tư thuộc các dự án điện gió tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên đã hoàn thành trong năm 2021. Trong năm nay, Công ty chỉ thực hiện các hợp đồng dịch vụ vận chuyển, bốc xếp hàng hóa thông thường nên doanh thu, lãi gộp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giảm mạnh.

Thông tin về các công ty con của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 04.

**2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

**2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



## 2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

## 2.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

## 2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

## **2.7 Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính Riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.8 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp: bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.9 Tài sản cố định và Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 39 năm
- Máy móc, thiết bị khác	04 - 13 năm
- Phương tiện vận tải	02 - 09 năm
- Thiết bị văn phòng	02 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

## **2.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.



## 2.11 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.12 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

*Đối với BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát*

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào BCC và không chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành sở hữu chung của các bên thì bên nhận tài sản theo dõi như tài sản nhận giữ hộ, không hạch toán tăng tài sản và nguồn vốn kinh doanh; Bên góp tài sản không ghi giảm tài sản trên sổ kế toán mà chỉ theo dõi chi tiết địa điểm, vị trí, nơi đặt tài sản.

Đối với tài sản cố định, bất động sản đầu tư mang đi góp vốn có sự chuyển quyền sở hữu từ bên góp vốn thành quyền sở hữu chung, trong quá trình đang xây dựng tài sản đồng kiểm soát, bên mang tài sản đi góp phải ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng, căn cứ vào giá trị tài sản được chia, các bên ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của tài sản được chia so với chi phí đầu tư xây dựng đã bỏ ra được ghi nhận là thu nhập khác (nếu lãi) hoặc chi phí khác (nếu lỗ).

Khi tài sản đồng kiểm soát đi vào hoạt động, BCC chuyển sang hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, mỗi bên tham gia liên doanh được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

## 2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ dần vào chi phí nhưng tối đa không quá 03 năm;
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là giá trị thương hiệu được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm;
- Tiền bảo hiểm của tài sản được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm.



#### 2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### 2.15 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

#### 2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### 2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

#### 2.18 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

#### 2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.



## 2.20 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.21 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## 2.22 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là Chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính

## 2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

### b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

## 2.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 2.25 Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác cảng biển chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

## 3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	725.473.401	1.157.215.647
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.292.042.565	5.425.273.834
Các khoản tương đương tiền	-	19.000.000.000
	<b>5.017.515.966</b>	<b>25.582.489.481</b>

## 4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>3.294.390.000</b>	<b>-</b>	<b>3.294.390.000</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh (i)	3.294.390.000	-	3.294.390.000	-
<b>Các khoản đầu tư khác</b>	<b>1.170.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.170.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh (ii)	1.170.000.000	-	1.170.000.000	-
	<b>4.464.390.000</b>	<b>-</b>	<b>4.464.390.000</b>	<b>-</b>

(i) Khoản đầu tư vào Công ty con với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2022 là 356.979 cổ phiếu, trong đó 27.540 cổ phiếu do Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu. Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu mà không ghi tăng giá trị theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

(ii) Khoản đầu tư khác vào Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh với số lượng cổ phiếu nắm giữ tại ngày 31/12/2022 là 337.662 cổ phiếu, trong đó 103.662 cổ phiếu đang nắm giữ do Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh chia cổ tức bằng cổ phiếu, 117.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ. Công ty chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu mà không ghi tăng giá trị theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	Cam Ranh	51,00%	51,00%	Bốc xếp hàng hóa, kinh doanh kho bãi, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, cho thuê xe có động cơ, cung ứng lao động tạm thời, dịch vụ hàng hải, cung cấp dịch vụ neo đậu



**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	Cam Ranh	6,50%	6,50%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng

**5 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	-	-	<b>127.219.390</b>	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	-	-	127.219.390	-
<b>Bên khác</b>	<b>8.769.758.775</b>	<b>(956.549.646)</b>	<b>13.276.304.899</b>	<b>(872.260.043)</b>
Công ty TNHH Đá Hóa An 1	3.596.820.104	-	3.513.822.690	-
Công ty TNHH Liên doanh Cát Phú	20.350.000	-	1.470.936.434	-
Công ty Cổ phần Đồng Nai (CODONA)	20.350.000	-	403.934.237	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Khánh Hưng	3.355.800	-	2.343.247.834	-
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương	563.600.626	(169.080.188)	1.265.118.965	-
Các đối tượng khác	4.565.282.245	(787.469.458)	4.279.244.739	(872.260.043)
	<b>8.769.758.775</b>	<b>(956.549.646)</b>	<b>13.403.524.289</b>	<b>(872.260.043)</b>

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Bên liên quan</b>	<b>264.000.000</b>	-	<b>404.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Công Trình Hàng Hải Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Hàng Hải VIMC	186.000.000	-	326.000.000	-
	78.000.000	-	78.000.000	-
<b>Bên khác</b>	<b>17.707.160.000</b>	-	<b>2.614.580.140</b>	-
Công ty Cổ phần thiết bị và dịch vụ TCE (*)	16.877.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ INTECOM	200.000.000	-	200.000.000	-
Công ty TNHH Cân điện tử Phúc Thịnh	-	-	210.000.000	-
Công ty TNHH Đông	-	-	1.671.000.000	-
Các đối tượng khác	630.160.000	-	533.580.140	-
	<b>17.971.160.000</b>	-	<b>3.018.580.140</b>	-

(\*) Đây là khoản ứng trước theo Hợp đồng số 2709/2022/HĐMB/TCE-CRP ngày 27 tháng 09 năm 2022 về việc mua bán cần trục bánh xích SANY 180 tấn với tổng giá trị hợp đồng là 18.600.000.000 VND.

**7 PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Bảo hiểm xã hội	63.449.097	-	99.671.200	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	168.831.080	-	-	-
Bảo hiểm y tế	19.067.318	-	10.919.805	-
Bảo hiểm thất nghiệp	49.498.244	-	12.709.110	-
Phải thu về tạm ứng	114.000.000	-	340.000.000	-
Phải thu thuế TNCN	-	-	25.390.751	-
Phải thu khác	470.017.932	-	272.918.570	-
- <i>Dự thu lãi tiền gửi</i>	-	-	27.000.000	-
- <i>Phải thu các đối tượng khác</i>	470.017.932	-	245.918.570	-
	<b>884.863.671</b>	<b>-</b>	<b>761.609.436</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Tiền giải phóng mặt bằng khu hành chính được phép khấu trừ vào tiền thuê đất (*)	96.500.000	-	328.100.000	-
	<b>96.500.000</b>	<b>-</b>	<b>328.100.000</b>	<b>-</b>
<b>c) Trong đó: Bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	168.831.080	-	-	-
	<b>168.831.080</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Căn cứ theo Công văn số 3554/CT-QLĐ ngày 20/08/2013 của Cục thuế tỉnh Khánh Hòa, Công ty được khấu trừ tiền đền bù giải phóng mặt bằng thuộc dự án "Xây dựng khu hành chính Cảng Ba Ngòi" đã chi trả với tiền thuê đất hàng năm phải nộp trong thời gian 04 năm 03 tháng tính từ thời điểm hết thời hạn được miễn tiền thuê đất là ngày 24/02/2019.



**8 NỢ XẤU**

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đầu tư Khánh Hòa	347.656.124	-	347.656.124	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới	113.319.150	-	113.319.150	-
Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ	99.453.843	-	99.453.843	-
Công ty Cổ phần Năng lượng tái tạo Đại Dương	563.600.626	394.520.438	-	-
Các đối tượng khác	227.040.341	-	311.830.926	-
	<b>1.351.070.084</b>	<b>394.520.438</b>	<b>872.260.043</b>	<b>-</b>

**9 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	183.557.285	-	288.981.786	-
Công cụ, dụng cụ	477.735.632	-	253.408.242	-
Hàng hoá	430.909.579	-	646.442.578	-
	<b>1.092.202.496</b>	<b>-</b>	<b>1.188.832.606</b>	<b>-</b>

**10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí bảo hiểm hàng năm của tài sản	134.726.362	66.588.290
	<b>134.726.362</b>	<b>66.588.290</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Giá trị của lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	25.090.036	35.126.836
Chi phí sửa chữa lớn	844.829.809	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	393.892.719	-
	<b>1.263.812.564</b>	<b>35.126.836</b>

**11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị (* VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	468.343.582.235	30.184.224.686	15.042.717.723	1.226.015.405	514.796.540.049
- Mua trong kỳ	-	1.666.652.766	-	-	1.666.652.766
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	5.211.666.666	-	879.482.728	147.818.182	6.238.967.576
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>473.555.248.901</b>	<b>31.850.877.452</b>	<b>15.922.200.451</b>	<b>1.373.833.587</b>	<b>522.702.160.391</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	211.633.834.733	19.694.380.288	9.912.165.757	1.223.955.881	242.464.336.659
- Khấu hao trong kỳ	15.619.189.634	2.050.064.811	1.015.031.694	155.755.415	18.840.041.554
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>227.253.024.367</b>	<b>21.744.445.099</b>	<b>10.927.197.451</b>	<b>1.379.711.296</b>	<b>261.304.378.213</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	256.709.747.502	10.489.844.398	5.130.551.966	2.059.524	272.332.203.390
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>246.302.224.534</b>	<b>10.106.432.353</b>	<b>4.995.003.000</b>	<b>(5.877.709)</b>	<b>261.397.782.178</b>

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.629.659.157 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là 9.281.469.157 VND);
- (\*) Trong đó, bao gồm thiết bị "Cầu bờ di động nhãn hiệu Gottward - Model HMK 280 (đã qua sử dụng)" là tài sản được hình thành từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng theo hình thức tài sản đồng kiểm soát. Công ty góp 40% giá trị tài sản bằng tiền tương ứng 7.000.000.000 VND, Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng góp 60% giá trị tài sản tương ứng 10.500.000.000 VND. Các bên tham gia hợp đồng hợp tác thực hiện phân chia doanh thu và chi phí tương ứng với tỷ lệ góp vốn. Nguyên giá của Tài sản cố định trên được ghi nhận tương ứng với phần vốn đã góp bằng tiền của Công ty là 7.000.000.000 VND, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2022 là 4.076.365.801 VND.



## 12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm quản lý	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu kỳ	195.000.000	195.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>195.000.000</b>	<b>195.000.000</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu kỳ	62.798.387	62.798.387
- Khấu hao trong kỳ	39.000.000	39.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>101.798.387</b>	<b>101.798.387</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu kỳ	132.201.613	132.201.613
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>93.201.613</b>	<b>93.201.613</b>

## 13 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>Mua sắm</b>	<b>129.629.630</b>	-
- Dự án Cầu di động - sức nâng 180 tấn	129.629.630	-
<b>Xây dựng cơ bản</b>	<b>1.181.552.288</b>	<b>463.948.181</b>
- Dự án đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi(*)	1.181.552.288	225.766.363
- Xây dựng Trạm cân 80T	-	47.272.728
- Nâng cấp đường trục nội bộ T1	-	190.909.090
<b>Sửa chữa lớn</b>	<b>222.141.865</b>	-
- Chi phí vật tư hoán cải tàu TLA05	222.141.865	-
	<b>1.533.323.783</b>	<b>463.948.181</b>

- (\*) Dự án "Đầu tư nâng cao năng lực khai thác cầu cảng Ba Ngòi" với các thông tin cơ bản như sau:
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh;
  - Tổng mức đầu tư dự kiến: 58.049.378.000 VND;
  - Địa điểm thực hiện: Cảng Ba Ngòi, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;
  - Mục tiêu đầu tư: Nâng cao khả năng vận tải hàng hóa từ cầu cảng tới kho bãi và ngược lại; tiếp nhận tàu tổng hợp trọng tải đến 50.000 DWT đầy tải, tàu 70.000 DWT giảm tải, tàu khách 70.000 GT;
  - Cơ cấu nguồn vốn đầu tư: Vốn của chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh chiếm khoảng 70%, vốn vay thương mại chiếm khoảng 30% tổng vốn đầu tư của dự án;
  - Thời gian thực hiện đầu tư: Từ tháng 12/2019;
  - Tại thời điểm 31/12/2022, dự án hiện đang trong giai đoạn thực hiện các thủ tục pháp lý để phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b><i>Bên liên quan</i></b>	<b>597.739.984</b>	<b>597.739.984</b>	<b>535.107.980</b>	<b>535.107.980</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	597.739.984	597.739.984	535.107.980	535.107.980
<b><i>Bên khác</i></b>	<b>1.220.910.718</b>	<b>1.220.910.718</b>	<b>1.357.586.727</b>	<b>1.357.586.727</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	192.240.000	192.240.000	686.400.000	686.400.000
Công ty Liên doanh TNHH Trồng và Chế biến cây nguyên liệu giấy xuất khẩu Cát Phú	-	-	536.523.900	536.523.900
Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng	310.766.804	310.766.804	-	-
Phải trả các đối tượng khác	717.903.914	717.903.914	134.662.827	134.662.827
	<b>1.818.650.702</b>	<b>1.818.650.702</b>	<b>1.892.694.707</b>	<b>1.892.694.707</b>

**15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH Bê Tông và Xây dựng Minh Đức	24.730.402	24.730.402
Công ty TNHH Cá Ngừ Việt Nam	-	37.401.000
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Nova	5.943.000	60.400.980
Asiatrans Việt Nam	116.039.154	-
Các đối tượng khác	39.398.189	22.329.351
	<b>186.110.745</b>	<b>144.861.733</b>
	-	-



**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	253.113.946	3.912.690.115	4.058.023.749	-	107.780.312
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.010.768.582	3.587.370.874	6.503.081.096	-	1.095.058.360
Thuế thu nhập cá nhân	-	185.682.695	555.006.869	947.650.974	206.961.410	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	5.063.269.378	5.063.269.378	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	<b>-</b>	<b>4.449.565.223</b>	<b>13.123.337.236</b>	<b>16.577.025.197</b>	<b>206.961.410</b>	<b>1.202.838.672</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	2.460.240.000	2.881.800.000
	<b><u>2.460.240.000</u></b>	<b><u>2.881.800.000</u></b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Doanh thu nhận trước từ cho thuê kho bãi	2.102.940.000	4.351.500.000
	<b><u>2.102.940.000</u></b>	<b><u>4.351.500.000</u></b>

**18 PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	148.884.320	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000	-
Cổ tức lợi nhuận phải trả	2.000.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	758.116.778	43.000.000
- Công ty Cổ phần Hàng hải Quảng Hưng	748.116.778	-
- Phải trả phải nộp khác	10.000.000	43.000.000
	<b><u>3.107.001.098</u></b>	<b><u>43.000.000</u></b>



**19 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	1.528.375.000	-	1.528.375.000	1.528.375.000
- Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hoà	-	-	1.528.375.000	-	1.528.375.000	1.528.375.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>1.528.375.000</u>	<u>-</u>	<u>1.528.375.000</u>	<u>1.528.375.000</u>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hoà	-	-	12.227.000.000	-	12.227.000.000	12.227.000.000
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.227.000.000</u>	<u>-</u>	<u>12.227.000.000</u>	<u>12.227.000.000</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(1.528.375.000)	-	(1.528.375.000)	(1.528.375.000)
<b>Khoản đến hạn trả sau 12 tháng</b>	<u>-</u>	<u>-</u>			<u>10.698.625.000</u>	<u>10.698.625.000</u>

**Thông tin khoản vay dài hạn:**

Hợp đồng tín dụng số 14/2022/HĐTD-ĐTPT ký ngày 09 tháng 08 năm 2022 giữa Quỹ đầu tư phát triển Khánh Hoà và Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh với hạn mức cho vay không vượt quá 12.960.000.000 VND; thời hạn vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu; mục đích vay vốn để đầu tư mua sắm Cầu di động – sức nâng 180 tấn nhằm nâng cao năng lực khai thác Cảng Cam Ranh; lãi suất vay trong hạn là 7,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; kỳ hạn trả nợ theo tháng, mức trả nợ trong mỗi kỳ hạn là 127.364.583 VND/ tháng; biện pháp bảo đảm tiền vay là thế chấp tài sản của Công ty và tài sản được hình thành bằng vốn vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay; số dư nợ gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 12.227.000.000 VND.

**20 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu kỳ trước</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>(482.000.000)</b>	<b>4.060.089.113</b>	<b>26.504.550.842</b>	<b>275.100.809.955</b>
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	42.463.720.648	42.463.720.648
Chia cổ tức	-	-	-	(17.117.532.000)	(17.117.532.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	3.489.553.000	(3.489.553.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.722.190.000)	(3.722.190.000)
Chi thường ban điều hành công ty	-	-	-	(200.275.892)	(200.275.892)
Tặng khác	-	-	-	100	100
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>(482.000.000)</b>	<b>7.549.642.113</b>	<b>44.438.720.698</b>	<b>296.524.532.811</b>
<b>Số dư đầu kỳ này</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>(482.000.000)</b>	<b>7.549.642.113</b>	<b>44.438.720.698</b>	<b>296.524.532.811</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	14.428.918.388	14.428.918.388
Chia cổ tức	-	-	-	(29.344.340.400)	(29.344.340.400)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.387.385.648	(6.387.385.648)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.794.495.000)	(6.794.495.000)
Chi thường ban điều hành công ty	-	-	-	(312.500.000)	(312.500.000)
Ghi nhận bổ sung thuế TNDN năm 2021	-	-	-	(244.931.784)	(244.931.784)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>(482.000.000)</b>	<b>13.937.027.761</b>	<b>15.783.986.254</b>	<b>274.257.184.015</b>



Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 01/2022/NQ-CCR.ĐHĐCĐ ngày 21/04/2022 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		<b>42.463.720.648</b>
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	15%	6.387.385.648
Trích quỹ khen thưởng	6%	2.548.123.000
Trích quỹ phúc lợi	10%	4.246.372.000
Trích quỹ thường Ban quản lý điều hành		312.500.000
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.200 VND)		29.344.340.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		1.600.000.000

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ %	Đầu kỳ VND	Tỷ lệ %
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	198.230.150.000	80,90%	198.230.150.000	80,90%
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân	34.971.020.000	14,28%	34.971.020.000	14,28%
Các cổ đông khác	11.817.000.000	4,82%	11.817.000.000	4,82%
	<b>245.018.170.000</b>	<b>100%</b>	<b>245.018.170.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	245.018.170.000	245.018.170.000
- Vốn góp cuối kỳ	245.018.170.000	245.018.170.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận:</b>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	29.344.340.000	17.117.532.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>29.344.340.000</i>	<i>17.117.532.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong kỳ	27.344.340.000	17.117.532.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>27.344.340.000</i>	<i>17.117.532.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	2.000.000.000	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.501.817	24.501.817
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	24.501.817	24.501.817
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.501.817</i>	<i>24.501.817</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(48.200)	(48.200)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(48.200)</i>	<i>(48.200)</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.453.617	24.453.617
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>24.453.617</i>	<i>24.453.617</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

**e) Các quỹ của công ty**

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	13.937.027.761	7.549.642.113
	<b>13.937.027.761</b>	<b>7.549.642.113</b>

**21 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

STT	Số hợp đồng	Địa điểm	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Mục đích	Thời hạn
1.	42/2007/HĐTĐ ngày 14/07/2007	Khu vực bãi bồi, Cảng Ba Ngòi, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	25.000,0	Xây dựng nhà máy chế biến dăm gỗ xuất khẩu	Đến ngày 09/04/2027
2.	86/2010/HĐTĐ ngày 21/09/2010	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	11.470,8	Xây dựng khu hành chính cảng Cam Ranh	Đến ngày 04/06/2039
3.	18/2011/HĐTĐ ngày 24/03/2011	Đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	68.600,0	Xây dựng khu kho bãi và dịch vụ hậu cần cảng	Đến ngày 30/10/2027
4.	58/2013/HĐTĐ ngày 16/09/2013	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	90.000,0	Xây dựng Kho bãi phía Tây Cảng Cam Rang	Đến ngày 27/10/2051
5.	87/2014/HĐTĐ ngày 29/08/2014	Phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	49.037,7	Thực hiện dự án Bến số 2 - Cảng Ba Ngòi	Đến ngày 09/04/2054
6.	84/2018/HĐTĐ ngày 22/06/2018	29 Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thị xã Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa	8.255,5	Xây dựng khu hành chính trung tâm (đất thương mại, dịch vụ)	Đến ngày 30/10/2058

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Ngoài ra công ty đang quản lý và sử dụng lô đất trên đường Nguyễn Trọng Kỳ, phường Cam Linh, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, có diện tích 797,5 m<sup>2</sup>, với mục đích xây dựng trung tâm dịch vụ Hàng hải. Lô đất này hiện chưa ký hợp đồng thuê đất do UBND tỉnh yêu cầu lập dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch để UBND tỉnh có cơ sở xem xét việc giao đất và cho thuê đất theo quy định.

**b) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2022	01/01/2022
USD	-	20.226,42

**22 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	50.104.129.808	23.404.339.398
Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.259.398.221	168.026.815.012
	<b>146.363.528.029</b>	<b>191.431.154.410</b>

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan  
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

	9.378.346.221	11.105.014.333
--	---------------	----------------



**23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	48.232.291.148	21.351.117.356
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	60.627.879.700	86.567.526.264
	<b>108.860.170.848</b>	<b>107.918.643.620</b>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	4.108.691.153	4.218.514.236
--	---------------	---------------

**24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	338.015.524	462.476.352
Cổ tức, lợi nhuận được chia	897.667.040	495.980.197
	<b>1.235.682.564</b>	<b>958.456.549</b>

Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	897.667.040	495.980.197
---	-------------	-------------

**25 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	205.170.000	190.400.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.537.644	49.537.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.883.350	-
Chi phí khác bằng tiền	13.702.540	-
	<b>298.293.534</b>	<b>239.937.644</b>

**26 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	425.650.700	766.464.080
Chi phí nhân công	11.779.207.402	19.430.133.470
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	191.771.080	222.093.009
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.197.231.665	991.147.814
Thuế, phí và lệ phí	236.600.000	15.227.983
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	169.080.188	(53.146.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.237.454.460	5.191.773.725
Chi phí khác bằng tiền	2.218.863.254	1.616.693.869
	<b>20.455.858.749</b>	<b>28.180.387.950</b>

**27 THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	123.636.364
Thu nhập khác	37.425.000	290.727.273
	<b>37.425.000</b>	<b>414.363.637</b>

**28 CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản phạt thuế và bảo hiểm	5.891.200	139.676.780
Thuế GTGT phải nộp sau thanh tra	-	98.754.353
Ủng hộ quỹ Vaccin phòng chống covid	-	2.250.000.000
Các khoản khác	132.000	5.761.126
	<b>6.023.200</b>	<b>2.494.192.259</b>

**29 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	18.016.289.262	53.229.421.014
Các khoản điều chỉnh tăng	818.232.150	1.095.061.011
- Chi phí không có đầy đủ hoá đơn chứng từ	103.840.950	800.000
- Các khoản tiền phạt thuế và bảo hiểm	5.891.200	139.676.780
- Thù lao của HĐQT không trực tiếp điều hành	708.500.000	954.584.231
Các khoản điều chỉnh giảm	(897.667.040)	(495.980.197)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(897.667.040)	(495.980.197)
Thu nhập chịu thuế TNDN	17.936.854.372	53.828.501.828
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)</b>	<b>3.587.370.874</b>	<b>10.765.700.366</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	4.010.768.582	506.229.013
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(6.503.081.096)	(7.261.160.797)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>1.095.058.360</b>	<b>4.010.768.582</b>

**30 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.526.209.293	2.291.677.357
Chi phí nhân công	30.639.141.162	51.523.569.126
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	381.657.113	511.735.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.879.041.554	18.618.035.940
Thuế, phí và lệ phí	5.302.028.178	3.172.988.143
Chi phí dự phòng	169.080.188	(53.146.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.373.547.319	28.841.703.761
Chi phí khác bằng tiền	4.111.327.176	10.081.287.630
	<b>81.382.031.983</b>	<b>114.987.851.858</b>

**31 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.



### 32 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải	Cùng Tổng công ty
Ban Quản Lý Dự Án Chuyên Ngành Hàng Hải VIMC	Cùng Tổng công ty
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	Cùng Tổng công ty
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	Đầu tư khác

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>9.378.346.221</b>	<b>11.105.014.333</b>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam - Đại lý Hàng hải Nha Trang	6.559.172.452	9.273.467.958
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	2.819.173.769	1.831.546.375
<b>Mua hàng hóa dịch vụ</b>	<b>4.108.691.153</b>	<b>4.218.514.236</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	4.108.691.153	4.218.514.236
<b>Chia cổ tức</b>	<b>23.787.618.000</b>	<b>13.876.110.500</b>
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	23.787.618.000	13.876.110.500
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>897.667.040</b>	<b>495.980.197</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Cảng Cam Ranh	464.072.700	285.583.200
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh	433.594.340	210.396.997

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Phạm Hữu Tấn	Chủ tịch HĐQT	493.908.000	627.344.231
Nguyễn Văn Thắng	Tổng Giám đốc (Trước đó là Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm ngày 01/09/2022)	474.560.000	551.223.231
Nguyễn Việt Nhâm	Thành viên HĐQT (Trước đó là Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 01/09/2022)	448.577.000	691.300.231
Nguyễn Thị Thu Thủy	Phó Tổng giám đốc	407.720.000	529.932.315
Nguyễn Đăng Song	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/04/2021)	-	23.119.000
Nguyễn Văn Tài	Thành viên HĐQT	60.000.000	43.119.000
Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 21/04/2022)	40.000.000	-
Hoàng Quốc Phương	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 23/04/2021)	-	23.119.000
Kiều Phương Ngọc	Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm ngày 21/04/2022)	20.000.000	20.000.000
Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	60.000.000	20.000.000
Dương Thị Hồng Hạnh	Trưởng ban kiểm soát	60.000.000	39.792.000
Trần Thị Thanh Thủy	Kiểm soát viên	48.000.000	20.000.000
Bùi Thị Ngân Hoa	Kiểm soát viên	48.000.000	20.000.000
Nguyễn Thị Ngọc Hòa	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm ngày 23/4/2021)	-	30.000.000
Dương Thị Thanh Mai	Kiểm soát viên (Miễn nhiệm ngày 23/4/2021)	-	30.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

### 33 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



**Hồ Nguyễn Tú Anh**  
Người lập biểu



**Nguyễn Huy Phương**  
Kế toán trưởng


**Nguyễn Văn Thắng**  
Tổng Giám đốc  
Cam Ranh, ngày 14 tháng 02 năm 2023